

**QUY CHẾ
THỰC HIỆN CÔNG KHAI TRONG NHÀ TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-MNSD ngày tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Mầm non Sở Dầu)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc thực hiện công khai về cam kết chất lượng chăm sóc giáo dục; các điều kiện đảm bảo chất lượng; thu chi tài chính và những việc phải công khai để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động biết.

2. Quy chế này áp dụng tại Trường Mầm non Sở Dầu và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

1. Thực hiện công khai để phụ huynh, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực, đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính và các hoạt động trong nhà trường.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định.

2. Thông tin được công khai tại bảng tin nhà trường và trên các trang thông tin điện tử theo quy định phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

**Chương II
NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI**

Điều 4. Nội dung công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục thực hiện; kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non.

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế: số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi.

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định chất lượng giáo dục: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng:

a) Cơ sở vật chất: diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định; số lượng đồ chơi ngoài trời, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp.

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo.

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của nhà trường:

Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

c) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1trẻ; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với trẻ em thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

đ) Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

4. Công khai về cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động biết:

- a) Chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến hoạt động của nhà trường;
- b) Các nội quy, quy chế của nhà trường;
- c) Kế hoạch năm học, học kỳ, tháng, tuần; kế hoạch, đề án, dự án, chiến lược định hướng phát triển của nhà trường;
- d) Tất cả các quy định của nhà trường liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em theo quy định của pháp luật;
- đ) Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng; quyết định bổ nhiệm, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí việc làm, đi công tác nước ngoài, giải quyết chế độ, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động; việc đánh giá, xếp loại, hợp đồng làm việc, chấm dứt hợp đồng làm việc;
- e) Các vụ việc tiêu cực, tham nhũng trong nhà trường đã được kết luận; bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định của pháp luật;
- g) Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nhà trường;
- h) Kết quả tiếp thu ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của hiệu trưởng đưa ra lấy ý kiến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động.
- i) Văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý cấp trên liên quan đến công việc của nhà trường.

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai

1. Đối với các nội dung công khai cam kết chất lượng giáo dục; chất lượng giáo dục thực tế; điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi:

a) Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

b) Niêm yết công khai tại bảng tin nhà trường đảm bảo thuận tiện để xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

2. Đối với nội dung công khai “Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học”: ngoài việc thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử, tại bảng tin nhà trường còn phải thực hiện công khai như sau:

a) Phổ biến trực tiếp trong cuộc họp cha mẹ trẻ em đầu năm học.

b) Hoạch phát tài liệu cho cha mẹ trẻ em trước khi vào đầu năm học mới.

3. Đối với nội dung công khai để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động biết:

Căn cứ đặc điểm, tính chất hoạt động và nội dung phải công khai, sẽ áp dụng một, một số hoặc tất cả các hình thức công khai sau đây:

- a) Niêm yết tại bảng tin nhà trường;
- b) Thông báo tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động;
- c) Thông báo bằng văn bản gửi toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động;
- d) Thông báo cho các tổ trưởng và yêu cầu tổ trưởng thông báo đến giáo viên, nhân viên, người lao động trong tổ mình phụ trách;
- đ) Thông báo bằng văn bản đến cấp ủy, Ban Chấp hành Công đoàn, Chi đoàn nhà trường;
- e) Đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường;

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 6. Trách nhiệm của nhà trường

1. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai cho cơ quan chỉ đạo hàng năm và cơ quan chủ trì tổ chức kiểm tra khi được yêu cầu.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

- a) Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.
- b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại bảng tin nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học trẻ em xem xét.
- c) Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

PHỤ LỤC

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 01

(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp).

(Tên cơ sở giáo dục)

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học.....

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được		
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện		
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển		
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non		

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Biểu mẫu 02

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học.....

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em							
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày							
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú							
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe							
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng							
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	<i>Số trẻ cân nặng bình thường</i>							
2	<i>Số trẻ SDD thể nhẹ cân</i>							
3	<i>Số trẻ có chiều cao bình thường</i>							
4	<i>Số trẻ SDD thể thấp còi</i>							
5	<i>Số trẻ thừa cân béo phì</i>							
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình GD nhà trẻ							
2	Chương trình GD mẫu giáo							

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Biểu mẫu 03

(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp)

(Tên cơ sở giáo dục)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học....

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố		-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)		
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)		
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)		
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)		
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>		
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>		
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định		
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		

VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời		Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)		
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	...		

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*					
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		
XIV	Kết nối internet		
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục		
XVI	Tường rào xây		
..		

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Biểu mẫu 04

(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp)

(Tên cơ sở giáo dục)

THÔNG BÁO**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình
	Tổng số CBGVNV													
I	Giáo viên													
1	Nhà trẻ													
2	Mẫu giáo													
II	Cán bộ quản lý													
1	Hiệu trưởng													
2	Phó hiệu trưởng													
III	Nhân viên													
1	Nhân viên văn thư													
2	Nhân viên kế toán													
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế													
5	Nhân viên khác													
..	..													

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

